

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 4 – Đợt 1

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 10 – 11/4/2025

Ngày cung cấp TT: 12/4/2025

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Như Trác	Cống đóng.
2	2	Cống Hữu Bị	Cống đóng.
3	3	Cống Cốc Thành	Cống đóng.
4	4	Cống sông Chanh	Cống đóng.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Cống đóng.
6	6	Cống Kinh Thanh	Cống đóng.
7	7	Cống Cỏ Đam	Cống đóng.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Cống đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Cống đóng.
10	13	Đầu kênh CG16	Cống mở.
11	16	Đập Vùa (CG12)	Cống đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Nam Định.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Cống Như Trác, Cống Hữu Bị, Cống Cốc Thành, Cống Kinh Thanh, Cống Cổ Đàm, Cống Vĩnh Trị, Cầu đường 10 với sông Sắt, Cầu Chu (sông Châu Giang), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Bể hút trạm bơm Quý Độ.

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Các vị trí đạt giới hạn trên, Cống Sông Chanh, Cống Nhâm Tràng, Đầu kênh T3, Đập An Bài (sông Châu Giang), Cống 3-2, Đầu kênh S17, Đập Vùa (CG12), Đầu kênh T5.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Đầu kênh C9, Đầu kênh CG 16.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
1	Cổng Như Trác	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 72%, gió ĐN 17 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.35	19	7.18	0.2	0.761	1.040	386	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
2	Cổng Hữu Bị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời râm, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 77%, gió ĐN 17 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm đang bơm nước lên kênh tưới. Mực nước nội đồng thấp hơn ngoài sông. Nước màu vàng đục.	7.2	30	7.52	0.1	0.404	0.209	198	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
3	Cổng	Kiểm tra chất	Trời râm, nhiệt độ	7.7	27	7.9	0.1	0.482	0.479	215	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
	Cốc Thành	lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	25°C, độ ẩm 88%, gió ĐN 6 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng, trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng đục.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
4	Cống Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 78%, gió Nam 10 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu vàng lục.	7.82	24	5.26	0.3	0.746	2.790	618	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
5	Cống Nhâm Tràng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 67%, gió ĐN 10 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn	8.42	9	5.83	0.3	0.521	2.385	672	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	ngoài sông. Nước màu xanh lục.								
6	Cổng Kinh Thanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 68%, gió ĐN 11 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Trạm bơm đang bơm nước lên kênh tưới. Nước màu vàng lục.	7.3	20	6.91	0.3	0.591	2.520	638	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
7	Cổng Cỏ Đam	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 68%, gió ĐN 11 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực	7.26	23	7.02	0.3	0.528	2.160	592	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục.								
8	Cổng Vĩnh Trị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 80%, gió Nam 5 km/h. Không có dòng chảy. Cổng đóng. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.2	47	6.53	0.3	0.435	1.575	364	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
9	Đầu kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định.	Trời râm, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 88%, gió ĐN 6 km/h. Dòng chảy chậm từ Cốc Thành về. Nước màu vàng lục.	6.95	10	5.42	0.3	0.676	3.308	788	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 78%, gió Nam 10 km/h. Dòng chảy chậm từ ngã	7.73	22	4.39	0.3	0.793	3.308	1900	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
		thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	ba vào kênh. Nước màu vàng lục.							không đạt mức B	
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 80%, gió Nam 5 km/h. Dòng chảy vừa từ hướng Vĩnh Trị về. Nước màu vàng lục.	7.21	36	6.47	0.3	0.528	1.559	382	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 70%, gió ĐN 16 km/h. Nước rỉ qua cửa cống từ sông Châu Giang vào sông Sắt, cống đóng. Nước màu vàng lục.	6.94	7	5.17	0.3	1.344	1.395	288	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Trời râm, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 77%, gió ĐN 17 km/h. Không có dòng chảy, cống mở. Mực nước cạn. Nước màu vàng đục.	6.71	51	4.36	0.5	3.372	3.060	962	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
14	Cống 3-2	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời râm, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 77%, gió ĐN 17 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu vàng lục.	7.62	20	5.02	0.3	1.150	2.183	437	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
15	Đầu kênh S17	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp huyện Ý Yên.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 71%, gió ĐN 15 km/h. Dòng chảy chậm từ sông Sắt vào. Cống mở. Nước màu vàng lục.	7.12	18	5.02	0.3	1.523	2.970	355	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
16	Đập Vùa	Kiểm tra chất lượng nước hệ	Trời râm, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 75%, gió	6.69	43	5.01	0.3	1.414	2.273	553	Các chỉ tiêu quan trắc hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	(CG12)	thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	ĐN 17 km/h. Không có dòng chảy. Cổng đóng. Nước màu nâu đỏ.								trường pH, DO đạt mức B
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 70%, gió ĐN 16 km/h. Dòng chảy chậm từ Hữu Bị về. Nước màu vàng lục.	7.42	32	6.21	0.3	0.995	2.858	412	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 70%, gió ĐN 14 km/h. Dòng chảy chậm từ Cổ Đam về. Nước màu vàng lục.	7.2	19	6.93	0.3	0.435	1.868	586	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
19	Bể hút trạm bơm Quỹ Độ	Kiểm tra chất lượng nước tại trạm bơm Quỹ Độ.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 68%, gió ĐN 11 km/h. Không có dòng chảy,	7.36	36	6.32	0.3	1.064	2.093	428	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			nước đứng. Khu vực lấy mẫu đang sửa chữa trạm bơm. Nước màu vàng lục.								đạt mức A
20	Đầu kênh T5	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời râm, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 85%, gió Nam 6 km/h. Không có dòng chảy. Mực nước cao. Nước màu vàng lục.	6.79	11	5.36	0.2	1.228	1.553	449	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN.08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN.08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn